

ĐÁP ÁN, THANG ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
(Đáp án, thang điểm và hướng dẫn chấm gồm có 04 trang)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

PHẦN I: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

- Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1101	B	D	D	B	B	B	D	A	D	B	B	C
1103	C	C	C	B	C	B	B	C	D	D	C	B
1105	D	A	C	D	A	A	A	C	A	B	B	A
1107	C	D	A	C	D	B	A	C	D	B	C	A
1109	D	B	D	D	C	D	D	D	A	B	B	B
1111	D	B	B	C	A	D	B	B	C	A	C	B
1102	B	D	D	A	C	C	B	D	D	C	C	D
1104	A	A	D	C	D	B	B	D	B	C	C	A
1106	B	A	A	C	A	C	B	D	B	A	C	A
1108	D	B	C	B	B	A	D	B	B	D	C	D
1110	A	D	D	C	D	B	D	C	D	C	A	B
1112	A	D	C	D	D	B	C	A	B	D	A	C

PHẦN II: Trắc nghiệm đúng sai

- Điểm tối đa mỗi câu là 1 điểm.

- Đúng 1 ý được 0,25 điểm; đúng 2 ý được 0,5 điểm; đúng 3 ý được 0,75 điểm; đúng 4 ý được 1 điểm.

Mã đề	Câu 1	Câu 2
1101	a)S - b)S - c)Đ - d)Đ	a)Đ - b)Đ - c)S - d)S
1103	a)S - b)Đ - c)S - d)Đ	a)Đ - b)S - c)S - d)Đ
1105	a)S - b)Đ - c)S - d)Đ	a)S - b)Đ - c)S - d)Đ
1107	a)Đ - b)Đ - c)S - d)S	a)Đ - b)S - c)S - d)Đ
1109	a)S - b)S - c)Đ - d)Đ	a)Đ - b)S - c)Đ - d)S
1111	a)S - b)Đ - c)Đ - d)S	a)S - b)S - c)Đ - d)Đ
1102	a)S - b)Đ - c)Đ - d)Đ	a)S - b)Đ - c)Đ - d)Đ
1104	a)Đ - b)Đ - c)S - d)Đ	a)Đ - b)Đ - c)S - d)Đ
1106	a)Đ - b)S - c)Đ - d)Đ	a)Đ - b)S - c)Đ - d)Đ
1108	a)Đ - b)S - c)Đ - d)Đ	a)Đ - b)S - c)Đ - d)Đ
1110	a)Đ - b)Đ - c)Đ - d)S	a)Đ - b)Đ - c)S - d)Đ
1112	a)Đ - b)Đ - c)S - d)Đ	a)S - b)Đ - c)Đ - d)Đ

PHẦN III: Trắc nghiệm trả lời ngắn - tự luận

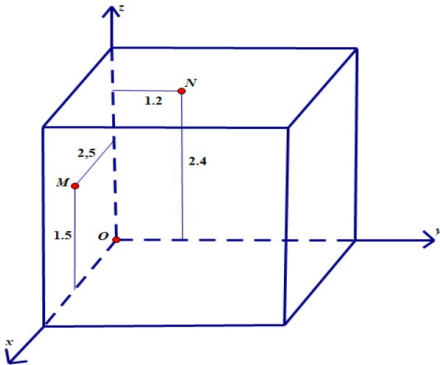
- Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Mã đề	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
1101	10	288	14.5	204
1103	204	10	14.5	288
1105	10	14.5	204	288
1107	14.5	288	204	10
1109	10	14.5	204	288
1111	10	14.5	204	288
1102	78.1	500	1152	37
1104	1152	78.1	500	37

1106	37	500	78.1	1152
1108	37	78.1	1152	500
1110	500	1152	37	78.1
1112	500	37	1152	78.1

B. PHẦN TỰ LUẬN

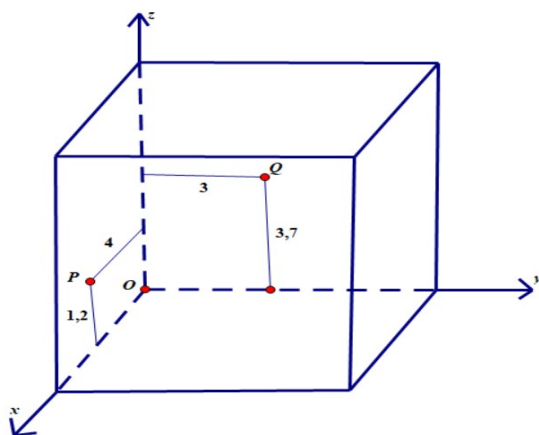
ĐỀ 1101, 1103, 1105, 1107, 1109, 1111

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	Tìm tập xác định, xét tính đơn điệu, cực trị của hàm số $y = \frac{x^2 - 3x + 3}{x - 2}$.	1 điểm
	TXĐ: $D = \mathbb{R} \setminus \{2\}$	0.125
	Ta có: $y' = \frac{x^2 - 4x + 3}{(x - 2)^2}$	0,25
	$y' = \frac{x^2 - 4x + 3}{(x - 2)^2} = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 \\ x = 3 \end{cases}$	0.125
	Lập bảng biến thiên, xét dấu đúng	0,25
	Kết luận đúng khoảng đơn điệu, điểm cực đại, cực tiểu	0.25
Câu 2	Trong một căn phòng, hai bức tường được xây vuông góc với nhau và cùng vuông góc với sàn nhà. Người ta căng một sợi dây đèn LED trang trí nối từ điểm M trên bức tường thứ nhất đến điểm N trên bức tường thứ hai. Biết điểm M cách bức tường thứ hai một khoảng $2,5m$ và cách sàn nhà $1,5m$. Điểm N cách bức tường thứ nhất một khoảng $1,2m$ và cách sàn nhà là $2,4m$. Thiết lập một hệ trục tọa độ $Oxyz$ (như hình vẽ)  a) Xác định tọa độ của hai điểm M và N trong hệ tọa độ đó. b) Tính chiều dài của sợi dây đèn LED.	1 điểm
	a) Xác định đúng tọa độ $M(2,5;0;1,5)$, $N(0;1,2;2,4)$ (mỗi điểm tính 0,25)	0,5
	b) Tìm được độ dài $MN = \sqrt{2,5^2 + 1,2^2 + 0,9^2} = \frac{\sqrt{34}}{2}$	0,5
Câu 3	Trong không gian $Oxyz$, cho 4 điểm $A(1;2;3)$, $B(3;0;1)$, $C(5;-1;2)$, $D(3;7;4)$. Biết điểm M di động trên mặt phẳng tọa độ (Oxy) để biểu thức $P = \overrightarrow{MA} \cdot \overrightarrow{MB} + 2\overrightarrow{MC}^2 + 3\overrightarrow{MD}^2$ đạt giá trị nhỏ nhất. Tìm tọa độ M và tính giá trị nhỏ nhất của biểu thức P.	1 điểm
	Gọi I là trung điểm của AB . H là điểm thỏa $\overrightarrow{HI}^2 + 2\overrightarrow{HC} + 3\overrightarrow{HD} = \vec{0}$.	0.25

	Tính đúng $I(2;1;2)$, $H(\frac{7}{2};\frac{10}{3};3)$	
	Biến đổi biểu thức P về dạng $P = 6MH^2 + HI^2 + 2HC^2 + 3HD^2 + \overline{IA}.\overline{IB}$	0.25
	Nhận xét: $HI^2 + 2HC^2 + 3HD^2 + \overline{IA}.\overline{IB}$ không đổi, nên P đạt giá trị nhỏ nhất khi và chỉ khi MH nhỏ nhất. Do đó M là hình chiếu vuông góc của H lên mặt phẳng (Oxy) . Kết luận đúng tọa độ $M(\frac{7}{2};\frac{10}{3};0)$.	0,125 0,125
	Tính được giá trị nhỏ nhất của P bằng $\frac{887}{6}$	0.25
Cách 2	Gọi $M(x; y; 0)$, $\overline{MA} = (1-x, 2-y, 3)$, $\overline{MB} = (3-x, -y, 1)$, $\overline{MC} = (5-x, -1-y, 2)$, $\overline{MD} = (3-x, 7-y, 4)$	0.125
	$P = (x-1)(x-3) + y(y-2) + 3 + 2[(x-5)^2 + (y+1)^2 + 4] + 3[(x-3)^2 + (y-7)^2 + 16]$	0.25
	$P = 6x^2 + 6y^2 - 42x - 40y + 288$	0,25
	$P = 6\left[\left(x - \frac{7}{2}\right)^2 + \left(y - \frac{10}{3}\right)^2 + \frac{887}{36}\right] \geq 6 \cdot \frac{887}{36} = \frac{887}{6}$ khi $x = \frac{7}{2}; y = \frac{10}{3}$.	0,25
	Kết luận tọa độ $M(\frac{7}{2};\frac{10}{3};0)$. Giá trị nhỏ nhất của P bằng $\frac{887}{6}$	0.125

ĐỀ 1102, 1104, 1106, 1108, 1010, 1012

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	Tìm tập xác định, xét tính đơn điệu, cực trị của hàm số $y = \frac{-x^2 + 3x + 1}{x + 2}$.	1 điểm
	TXĐ: $D = \mathbb{R} \setminus \{-2\}$	0.125
	Ta có: $y' = \frac{-x^2 - 4x + 5}{(x+2)^2}$	0,25
	$y' = \frac{-x^2 - 4x + 5}{(x+2)^2} = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 \\ x = -5 \end{cases}$	0.125
	Lập bảng biến thiên, xét dấu đúng	0,25
	Kết luận đúng khoảng đơn điệu, cực đại, cực tiểu	0,25
Câu 2	Hai vách ngăn của một gian hàng hội chợ được dựng vuông góc với nhau và cùng vuông góc với mặt sàn. Để tăng cường độ vững chãi, người thợ lắp một thanh sắt hàn nối từ điểm P trên vách thứ nhất đến điểm Q trên vách thứ hai. Biết điểm P cách vách thứ hai là $4m$ và cách mặt sàn là $1,2m$, điểm Q cách vách thứ nhất là $3m$ và cách mặt sàn là $3,7m$. Thiết lập một hệ trục tọa độ $Oxyz$ (như hình vẽ)	1 điểm



a/ Xác định tọa độ của hai điểm P và Q trong hệ tọa độ đó.

b/ Tính độ dài thanh sắt PQ .

c) Xác định đúng tọa độ $P(4;0;1,2)$, $Q(0;3;3,7)$
(mỗi điểm tính 0,25)

0,5

d) Tìm được độ dài $PQ = \sqrt{4^2 + 3^2 + 2,5^2} = \frac{5\sqrt{5}}{2} \approx 5,59$

0,5

Câu 3

Trong không gian $Oxyz$, cho 4 điểm $A(1;1;1)$, $B(3;3;1)$, $C(6;0;2)$, $D(2;4;2)$. Biết điểm M di động trên mặt phẳng tọa độ (Oxz) để biểu thức $P = \overrightarrow{MA} \cdot \overrightarrow{MB} - 2\overrightarrow{MC}^2 + 3\overrightarrow{MD}^2$ đạt giá trị nhỏ nhất. Tìm tọa độ M và tính giá trị nhỏ nhất của biểu thức P .

1 điểm

Gọi I là trung điểm của AB . H là điểm thỏa $\overrightarrow{HI}^2 - 2\overrightarrow{HC}^2 + 3\overrightarrow{HD}^2 = 0$.

Tính đúng $I(2;2;1)$, $H(-2;7;\frac{3}{2})$

0.25

Biến đổi biểu thức P về dạng $P = 2MH^2 + HI^2 - 2HC^2 + 3HD^2 + \overrightarrow{IA} \cdot \overrightarrow{IB}$

0.25

Nhận xét: $HI^2 - 2HC^2 + 3HD^2 + \overrightarrow{IA} \cdot \overrightarrow{IB}$ không đổi, nên P đạt giá trị nhỏ nhất khi và chỉ khi MH nhỏ nhất. Do đó M là hình chiếu vuông góc của H lên mặt phẳng (Oxz) .

**0,125
0,125**

Kết luận đúng tọa độ $M(-2;0;\frac{3}{2})$.

Tính được giá trị nhỏ nhất của P bằng $-13,5$

0.25

Cách 2

Gọi $M(x;0;z)$, $\overrightarrow{MA} = (1-x, 1, 1-z)$, $\overrightarrow{MB} = (3-x, 3, 1-z)$,
 $\overrightarrow{MC} = (6-x, 0, 2-z)$, $\overrightarrow{MD} = (2-x, 4, 2-z)$

0.125

$P = (x-1)(x-3) + 3 + (z-1)^2 - 2[(x-6)^2 + (z-2)^2] + 3[(x-2)^2 + 16 + (z-2)^2]$

0.25

$P = 2x^2 + 2z^2 + 8x - 6z - 1$

0,25

$P = 2 \left[(x+2)^2 + \left(z - \frac{3}{2} \right)^2 - \frac{27}{4} \right] \geq -2 \cdot \frac{27}{4} = -\frac{27}{2} = -13,5$ khi $x = -2; z = \frac{3}{2}$.

0,25

Kết luận tọa độ $M(-2;0;\frac{3}{2})$. Giá trị nhỏ nhất của P bằng $-13,5$

0.125

--	--	--

											TL Số câu: 01
3	CÁC SỐ ĐẶC TRUNG ĐO MỨC ĐỘ PHÂN TÁN CỦA MẪU SỐ LIỆU GHÉP NHÓM.	Khoảng biến thiên và khoảng tứ phân vị.		TN Số câu: 01						Đ-S Câu: 2a,2b	Đ-S Câu: 2c,2d
		Phương sai và độ lệch chuẩn.						TLN Số câu: 01			
Tổng			TN 7 câu	TN 3 câu		TN 2 câu					
			Đ-S 4 ý	Đ-S 0 ý						Đ-S 2 ý	Đ-S 2 ý
						TLN 1 câu	TL 2 câu	TLN 1 câu			TLN 2 câu TL 1 câu
Tỉ lệ %			27,5%	7,5%	0%	10%	20%	5%		5%	25%

II – ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I TOÁN12 - KNTT – NĂM HỌC 2025 - 2026

Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
	Tính đơn điệu, cực trị của hàm số	Nhận biết : - Nhận biết được tính đơn điệu của hàm số thông qua hình ảnh hình học của đồ thị hàm số. - Nhận biết được điểm cực trị, giá trị cực trị của hàm số thông qua bảng biến thiên.	Câu 1 TNKQ Câu 2 TNKQ	Câu 1 TL	

Ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị hàm số		Thông hiểu: - Thể hiện được tính đồng biến, nghịch biến của hàm số trong bảng biến thiên của hàm số.			
	Giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số	Nhận biết: - Nhận biết được giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số trên một tập xác định cho trước thông qua đồ thị hàm số.	Câu 3 TNKQ		
	Đường tiệm cận của đồ thị hàm số	Nhận biết: - Nhận biết được tính đối xứng (tâm đối xứng) của đồ thị các hàm số.	Câu 4 TNKQ		
	Khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số	Thông hiểu - Mô tả được sơ đồ tổng quát để khảo sát hàm số (tìm tập xác định, xét chiều biến thiên, tìm cực trị, tìm tiệm cận, lập bảng biến thiên, vẽ đồ thị).			
	Ứng dụng đạo hàm để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn	Vận dụng: - Vận dụng được đạo hàm và khảo sát hàm số để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn.			Câu 1 TLN
Vectơ và hệ trục toạ độ trong không gian	Vectơ trong không gian	Nhận biết: - Nhận biết được vectơ và các phép toán vectơ trong không gian (tổng và hiệu của hai vectơ, tích của một số với một vectơ, tích vô hướng của hai vectơ). Thông hiểu: - Xác định được biểu thức toạ độ của các phép toán	Câu 5 TNKQ Câu 6 TNKQ Câu 7 TNKQ Câu 1a ĐS Câu 1b ĐS Câu 1c ĐS		

		vecto.	Câu 1d ĐS Câu 2 TLN		
	<i>Hệ tọa độ trong không gian</i>	Nhận biết : – Nhận biết được tọa độ của một vectơ đối với hệ trục tọa độ. Thông hiểu: - Xác định được độ dài vectơ, góc giữa hai vectơ - Tìm độ lớn của tổng hai hoặc ba vectơ - Tìm tọa độ điểm thỏa mãn điều kiện cho trước	Câu 8 TNKQ Câu 9 TNKQ	Câu 2 TL	
	<i>Biểu thức tọa độ các phép toán vectơ</i>	Thông hiểu: – Xác định được biểu thức tọa độ của các phép toán vectơ. Vận dụng: - Bài toán tổng hợp về vectơ.		Câu 10 TNKQ Câu 11 TNKQ	Câu 3 TLN Câu 3 TL
	<i>Khoảng biến thiên và khoảng tứ phân vị</i>	Thông hiểu – Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của các số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn trong trường hợp đơn giản. Vận dụng - Tính được các số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn.		Câu 12 TNKQ Câu 2a ĐS Câu 2b ĐS	Câu 2c ĐS Câu 2d ĐS

	<i>Phương sai và độ lệch chuẩn</i>	<i>Vận dụng</i> - Tính được các số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệughép nhóm (phương sai, độ lệch chuẩn)			Câu 4 TLN
	Tổng		15	13	12
	Tỉ lệ		37,5%	32,5%	30%